

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Lệ và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST- HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trường G - sinh năm 1978 tại xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tài T và bà Nguyễn Thị N. Vợ Phạm Thị N sinh năm 1986(đã ly hôn); Con có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường G: Ông Phạm Văn Đ - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương - Có mặt.

2. Nguyễn Văn C - sinh năm 1976 tại xã G, huyện G, tỉnh N.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 16, xã G, huyện G, tỉnh N;

Nơi tạm trú: Khu 4, Thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh;

Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị N. Vợ Cao Thị N, sinh năm 1981. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 02/11/2018 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản (Quyết định số 238/QĐ-XPVPHC ngày 02/11/2018).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương - Có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Lâm Anh P - sinh năm 1971

2. Chị Lê Thị L - sinh năm 1975

Địa chỉ: Đều ở Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Bá T - sinh năm 1974

2. Anh Nguyễn Văn H -1976

Địa chỉ: Đều ở thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn H sinh năm 1976 ở thôn P, xã H, huyện B là bạn của nhau. Khoảng 11 giờ ngày 01/12/2018, C gặp và rủ G đi đến nhà anh H để viếng đám tang bố anh H, G đồng ý. C sử dụng xe mô tô của mình chở G đến thôn P, xã H, khoảng hơn 12 giờ thì đến nơi. C điều khiển xe mô tô gửi tại sân nhà ông Trần Văn H, sinh năm 1953 ở bên cạnh nhà anh H, dựng xe song song với xe Honda Wave anpha màu xanh, BKS 34B1-954.33 của anh Lâm Anh P, sinh năm 1971 ở cùng thôn. C nhìn thấy đèn báo khóa điện xe của anh P nhấp nháy sáng, quan sát thấy không có người trông coi, C sử dụng chìa khóa xe của mình cắm vào ổ khóa điện, mở được khóa điện nên nói với G "ổ khóa xe này bị hỏng, chìa của tao cũng mở được", mục đích nói cho G biết chiếc xe này đã bị hỏng ổ khóa, có thể dễ dàng trộm cắp. Sau đó C tắt khóa điện, rút chìa khóa rồi cắm vào ổ khóa điện xe của mình, rồi đi sang rạp đám tang, mục đích để cho G dùng chìa khóa mở khóa điện lấy xe của anh P. Hiểu được mục đích của C, G mở

khóa điện xe của C, rồi dùng chìa khóa đó mở khóa điện lấy xe của anh P, rồi điều khiển xe về nhà trọ của C ở thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Tại đây, G mở cốp yên xe thấy có 01 đăng ký xe mang tên Lâm Anh P, 01 bảo hiểm xe máy; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Thị L đựng trong ví màu nâu. Sau khi sang rạp đám tang được khoảng 30 phút, C quay lại sân nhà ông Hòa thì không thấy G và xe của anh P đâu, biết là G đã trộm cắp được chiếc xe đó, C điều khiển xe mô tô về nhà trọ để gặp G. G nói với C về việc lấy xe mô tô của anh P, rồi G và C đem xe của anh P đi "cầm đồ" tại một hiệu cầm đồ (không nhớ địa chỉ cụ thể) ở huyện M, tỉnh H được 6.250.000 đồng. Sau đó G và C đi về Thị trấn K, huyện B, G đưa cho C 1.000.000 đồng để đi chuộc điện thoại và mua ma túy. Khi C đi đến khu vực xã T thì gặp anh H, anh H nói với C việc trộm cắp xe của G và C đã bị camera ghi lại nên G và C đi "chuộc" xe về trả cho anh P. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, G đi xe của anh P đến nhà anh H nhờ anh H trả lại xe mô tô cho anh P cùng các giấy tờ, tài liệu nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 30/HĐĐGTS ngày 07/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 34B1-954.33 trị giá 9.000.000 đồng, 01 ví da màu nâu trị giá 0 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, lời khai của những người bị hại, người liên quan, vật chứng đã thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản xác định hiện trường, lời khai của những người bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G từ 09 đến 12 tháng tù thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2018. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 đến 12 tháng tù thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2019.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/12/2018, gia đình anh Lâm Anh P đã nhận

lại xe mô tô cùng các giấy tờ, gia đình anh không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết.

Về vật chứng: 01 chìa khóa xe máy Honda G sử dụng để trộm cắp là chìa khóa xe của C, sau đó G đã trả cho C. Quá trình sử dụng C đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo C phải chịu 200.000đ án phí HSST. Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo G.

Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường G phát biểu ý kiến: Bị cáo Nguyễn Trường G tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù để bị cáo sớm trở về gia đình làm ăn nuôi con. Về án phí: Bị cáo là đối tượng hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí HSST cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 01/12/2019, tại thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng anh Lâm Anh P dựng xe mô tô biển kiểm soát 34B1-954.33 trị giá 9.000.000 đồng ở sân nhà ông Trần Văn H, Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C sử dụng chìa khóa có sẵn mở khóa điện lấy xe mô tô của anh P mang đến huyện M, tỉnh H "cầm đồ" được 6.250.000 đồng.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an trong xã hội. Các bị cáo

có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Từ những phân tích nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện B truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Trường G: Là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản và trực tiếp mang đi “cầm đồ” nên giữ vai trò tích cực thứ nhất. Bị cáo Nguyễn Văn C tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo G thực hiện việc trộm cắp tài sản nên giữ vai trò là người giúp sức tích cực thứ hai.

Bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi bị phát hiện, cả hai bị cáo đã tích cực đi chuộc xe máy để trả lại cho người bị hại nên cả hai bị cáo đều được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo G có em trai là Nguyễn Trường S được Nhà nước tặng thưởng Huy chương C sỹ vẻ vang nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho các bị cáo nên cả hai bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: Ngày 02/11/2018, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản (Quyết định số 238/QĐ-XPVPHC ngày 02/11/2018). Xét thấy cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên cần xử phạt tù có thời hạn để cải tạo thành người tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/12/2018, gia đình anh Lâm Anh P đã nhận lại xe mô tô cùng các giấy tờ, gia đình anh không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết.

Về vật chứng: 01 chìa khóa xe máy Honda G sử dụng để trộm cắp là chìa khóa xe của C, sau đó G đã trả cho C. Quá trình sử dụng C đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ án phí HSST. Bị cáo Nguyễn Trường G thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí HSST cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trường G.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G 10 (mười) tháng tù thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10 (mười) tháng tù thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ án phí HSST. Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Nguyễn Trường G.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, có mặt người bào chữa cho bị cáo G, vắng mặt người bị hại. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKS, CQĐT Công an huyện B.
- Chi cục THADS H. B;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh HD;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Lưu HS VA.

Nguyễn Thị Thiết